

Cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn về liên kết xuất bản ở Việt Nam hiện nay

Ngày nhận bài: 07/10/2025 | Ngày phản biện: 07/10/2025 | Ngày xuất bản: 30/10/2025

Tác giả: Nguyễn Việt Hoàng (Nhà Xuất bản Công an Nhân dân)

Tóm tắt: Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang phát triển mạnh mẽ và quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, ngành Xuất bản (XB) Việt Nam đã và đang phải đối mặt với nhiều cơ hội cũng như thách thức to lớn. Việc xã hội hóa ngành XB, đặc biệt là hình thức liên kết trong hoạt động XB, đã trở thành một chủ trương lớn, được cụ thể hóa trong các văn bản pháp quy nhằm huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước. Vì vậy, việc nghiên cứu cơ sở chính trị, nền tảng pháp lý và bức tranh thực tiễn của liên kết xuất bản tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết. Bài viết này tập trung trình bày cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý phân tích cụ thể các quy định pháp luật qua từng thời kỳ như Luật Xuất bản 1993, Chỉ thị số 42-CT/TW, Luật Xuất bản 2012 và Nghị định 195/2013/NĐ-CP, đồng thời đi sâu phân tích cơ sở thực tiễn liên kết xuất bản hiện nay, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển ngành XB một cách bền vững.

1. Khái niệm liên kết trong hoạt động xuất bản

Theo Khoản 1, Điều 23, Luật Xuất bản năm 2012, liên kết trong hoạt động xuất bản được hiểu là hoạt động trong đó nhà xuất bản được liên kết với các chủ thể ngoài nhà xuất bản (gọi chung là đối tác liên kết) để xuất bản đối với từng xuất bản phẩm: Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; nhà xuất bản, cơ sở in xuất bản phẩm, cơ sở phát hành; tổ chức khác có tư cách pháp nhân⁽¹⁾.

Căn cứ theo mục tiêu kinh doanh mà hai bên đã thỏa thuận và tỷ lệ góp vốn của mỗi bên, nhà xuất bản (NXB) và đối tác liên kết (ĐTLK) sẽ cùng thống nhất soạn thảo hợp

đồng liên kết, trong đó quy định rõ phương thức phát hành xuất bản phẩm(XBP), tỷ lệ lợi tức được hưởng của mỗi bên, trách nhiệm pháp lý của mỗi bên⁽²⁾.

2. Cơ sở chính trị về liên kết xuất bản

Đó là chủ trương và định hướng đối với liên kết trong hoạt động xuất bản của Đảng và Nhà nước. Hoạt động liên kết trong ngành XB Việt Nam được hình thành và phát triển dựa trên những chủ trương, định hướng rõ ràng của Đảng và Nhà nước. Nền tảng cho sự ra đời của liên kết XB là chủ trương xã hội hóa ngành xuất bản, lần đầu tiên được nêu tại Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX vào ngày 25 tháng 8 năm 2004. Chủ trương này sau đó được cụ thể hóa trong Luật Xuất bản năm 2004 với mục đích ban đầu là huy động các nguồn lực từ khối tư nhân tham gia, góp công, góp của cùng các NXB nâng cao số lượng và chất lượng toàn diện các XBP⁽³⁾.

Việc Đảng định hướng chính trị chặt chẽ, coi XB là một lĩnh vực tư tưởng sắc bén, trong khi vẫn thúc đẩy xã hội hóa (XHH) và liên kết để huy động nguồn lực xã hội, cho thấy một nỗ lực cân bằng giữa hai mục tiêu này. Đây là một chiến lược quản trị đặc thù trong nền kinh tế thị trường (KTTT) định hướng xã hội chủ nghĩa, nơi Nhà nước không hoàn toàn buông lỏng quản lý mà vẫn giữ vai trò định hướng và kiểm soát, đồng thời cho phép các thành phần kinh tế khác tham gia để thúc đẩy sự phát triển về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, chính sự song hành này cũng tiềm ẩn những mâu thuẫn trong thực tiễn, đặc biệt khi mục tiêu lợi nhuận kinh tế có thể xung đột với định hướng tư tưởng, đòi hỏi sự điều tiết linh hoạt và hiệu quả từ phía cơ quan QLNN.

Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng đã được ban hành với mục đích nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động XB tại Việt Nam. Chỉ thị đã đánh giá một cách toàn diện thực trạng của ngành XB, chỉ ra cả những thành tựu đã đạt được lẫn những hạn chế còn tồn tại⁽⁴⁾. Chỉ thị đã đặt ra mục tiêu định hướng và thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành XB trong bối cảnh mới, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin và văn hóa của người dân, đồng thời phục vụ hiệu quả sự nghiệp phát triển đất nước. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Chỉ thị đã xác định các nhiệm vụ trọng tâm là tăng cường QLNN đối với hoạt động XB, đổi mới phương thức XB để bắt kịp xu hướng phát triển của công nghệ số và nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của những người làm công tác XB⁽⁵⁾.

Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng đóng vai trò định hướng phát triển ngành XB trong thời gian tới, đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số. Về ý nghĩa, Chỉ thị tập trung vào việc nâng cao cả nội dung và hình thức của các XBP, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Đồng thời, nó còn góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng, văn hóa của đất nước khỏi các yếu tố tiêu cực và phi văn hóa từ bên ngoài⁽⁶⁾.

Một trong những nét mới đáng chú ý của Chỉ thị là sự nhấn mạnh vào việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động XB nhằm đáp ứng xu thế phát triển của thời đại và nâng cao hiệu quả SXKD. Bên cạnh đó, Chỉ thị cũng khuyến khích mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực XB để học hỏi kinh nghiệm và phát triển thị trường XB Việt Nam. Đáng chú ý, Chỉ thị chính thức cho phép các NXB được liên kết với các tổ chức, cá nhân để xuất bản từng XBP, giúp giải quyết một phần bài toán về vốn kinh doanh cho các NXB⁽⁷⁾.

Như vậy, một trong những vấn đề lớn nhất là các NXB sẽ gặp khó khăn trong việc kiểm soát tính nguyên bản của XBP. Lý do là ĐTLK được tự do lựa chọn cơ sở in, khiến các NXB không thể kiểm soát XBP đầu ra so với bản thảo đã được biên tập và phê duyệt⁽⁸⁾.

3. Cơ sở pháp lý về liên kết xuất bản

3.1. Luật Xuất bản năm 1993

Nội dung chính của Luật Xuất bản năm 1993 quy định một số điều, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về điều kiện XB, các tổ chức và cá nhân tham gia vào hoạt động XB phải đáp ứng các điều kiện do pháp luật quy định bao gồm việc tuân thủ các quy định về nội dung và hình thức của XBP⁽⁹⁾.

Thứ hai, về in ấn, các hoạt động in ấn chỉ được thực hiện tại các cơ sở in được Nhà nước cấp phép và quản lý. Các ấn phẩm trước khi được in phải được kiểm tra và cấp phép⁽¹⁰⁾.

Thứ ba, về phát hành, việc phát hành các XBP phải tuân theo các quy định về địa điểm, phạm vi và đối tượng phát hành. Các tổ chức phát hành phải được cấp phép và

hoạt động dưới sự giám sát của cơ quan QLNN⁽¹¹⁾.

Thứ tư, đối với QLNN về XB, Nhà nước thực hiện quản lý toàn diện đối với các hoạt động XB, in và phát hành nhằm bảo đảm các hoạt động này phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước⁽¹²⁾.

Luật Xuất bản năm 1993 có một số nét đổi mới như sau:

Thứ nhất, đây là một trong những văn bản pháp luật đầu tiên tại Việt Nam có quy định cụ thể về quyền tác giả, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các tác giả trong hoạt động XB⁽¹³⁾.

Thứ hai, Luật tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước, đặc biệt trong việc kiểm soát nội dung các XBP nhằm bảo đảm tính chính xác và phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước⁽¹⁴⁾.

Thứ ba, không chỉ điều chỉnh hoạt động XB, Luật còn mở rộng phạm vi điều chỉnh sang cả các hoạt động liên quan như in ấn và phát hành, tạo ra một khuôn khổ pháp lý toàn diện hơn cho ngành XB⁽¹⁵⁾.

Thứ tư, Luật bước đầu công nhận cá nhân, tổ chức ngoài Nhà nước được thành lập cơ sở in và phát hành. Đây là nét đổi mới lớn nhất của Luật. Từ đây, ngành XB đã mạnh mẽ xuất hiện một số nhà sách tư nhân chủ động liên hệ với tác giả, đầu tư kinh phí tìm kiếm bản thảo rồi gửi đến NXB biên tập, đăng ký XB, sau đó in và phát hành⁽¹⁶⁾.

Bên cạnh những ưu điểm và những nét đổi mới, Luật Xuất bản năm 1993 vẫn bộc lộ một số hạn chế nhất định.

Có thể nói, hơn 10 năm qua (1993-2003), tình hình chính trị, kinh tế và xã hội của đất nước ta đã có những biến đổi nhanh chóng. Trong hoạt động XB đã xuất hiện nhiều quan hệ xã hội mới, nhiều hiện tượng mới phát sinh mà những quy định của Luật Xuất bản hiện hành không điều chỉnh được hoặc không đồng bộ với những văn bản luật trên các lĩnh vực có liên quan nên gây khó khăn, vướng mắc cho công tác QLNN và tổ chức thực hiện.

Mặt khác, trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong cơ chế thị trường định hướng XHCN, Đảng và Nhà nước đã ban hành một số văn bản liên quan để điều chỉnh từng mặt hoạt động XB như Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khoá IX), Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư nước ngoài... Một số nội dung trong các văn bản nói trên có nhiều khác biệt so với một số điều khoản của Luật Xuất bản năm 1993 nên cần phải sửa đổi Luật này cho phù hợp với các văn bản đó.

3.2. Luật Xuất bản năm 2012

Luật Xuất bản năm 2012 là một văn bản pháp lý toàn diện, đóng vai trò then chốt trong việc điều chỉnh ngành XB tại Việt Nam. Luật đã tạo ra một khuôn khổ pháp lý chặt chẽ, hướng đến mục tiêu phát triển ngành XB một cách bền vững⁽¹⁷⁾. Một trong những nội dung cốt lõi của Luật Xuất bản năm 2012 là quy định về quyền tự do XB và điều kiện thành lập NXB. Để thành lập NXB, bao gồm việc phải đảm bảo về nhân lực chuyên môn, cơ sở vật chất và tuân thủ các quy định về quản lý⁽¹⁸⁾.

Hoạt động in và phát hành XBP cũng được luật quy định rõ ràng về điều kiện và quy trình, bao gồm việc quản lý nội dung, bản quyền và các yếu tố liên quan. Luật còn đề cập đến trách nhiệm của các cơ quan QLNN trong việc giám sát, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực XB. Nhờ những quy định này, luật đã giúp bảo vệ quyền lợi của tác giả, NXB và bạn đọc, tạo ra một môi trường XB minh bạch và lành mạnh hơn. Luật cũng đã cập nhật các quy định phù hợp với sự phát triển của công nghệ, đặc biệt là in ấn kỹ thuật số và XB điện tử, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Hơn nữa, luật giúp cơ quan QLNN thực hiện chức năng giám sát hiệu quả hơn, từ đó ngăn chặn các hành vi vi phạm trong lĩnh vực XB⁽¹⁹⁾.

Luật Xuất bản 2012 đã đề cập đến nhiều điểm mới đáng chú ý, phản ánh sự phát triển của CNTT và Truyền thông. Một trong những nét mới nổi bật nhất là quy định về XB điện tử, cho phép các NXB phát triển các XBP điện tử, phản ánh sự ứng dụng sâu rộng của công nghệ trong ngành XB. Đặc biệt, luật đã quy định rất cụ thể về XHH và liên kết trong hoạt động XB, hướng đến việc phát triển ngành XB một cách phong phú, đa dạng và bền vững⁽²⁰⁾.

XHH trong hoạt động XB được định nghĩa là việc mở rộng sự tham gia của các tổ chức, cá nhân ngoài Nhà nước vào các khâu XB, in và phát hành. Mục tiêu của XHH là

huy động mọi nguồn lực xã hội để phát triển ngành XB. Dù khuyến khích sự tham gia này, cơ quan QLNN vẫn phải thường xuyên giám sát hoạt động XHH để tránh vi phạm pháp luật, đạo đức và thuần phong mỹ tục của các XBP. Liên kết trong hoạt động XB là hình thức hợp tác giữa các NXB với các tổ chức, cá nhân để thực hiện các công đoạn trong quá trình XB, bao gồm biên tập, in ấn và phát hành. Các bên tham gia liên kết đều phải tuân thủ pháp luật, trong đó NXB phải chịu trách nhiệm cuối cùng về nội dung của XBP. Các ĐTLK cũng phải tuân thủ các quy định pháp luật và các điều khoản trong hợp đồng liên kết ký với NXB. Hoạt động liên kết XB cần được thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi cho tất cả các bên tham gia và tuyệt đối không làm ảnh hưởng đến chất lượng nội dung của XBP⁽²¹⁾.

Quan trọng hơn nữa, luật đã tạo ra tính ràng buộc pháp lý đủ mạnh áp dụng cho mọi đối tượng khi quy định về mẫu hợp đồng liên kết. Theo đó, NXB, ĐTLK và cơ sở in phải ký hợp đồng liên kết ba bên. Mẫu hợp đồng này đã tạo ra tính ràng buộc pháp lý mạnh mẽ, không cho phép ĐTLK tùy tiện đưa bản thảo đi in tại các cơ sở thiếu uy tín, hoặc thông đồng cùng cơ sở in để chỉnh sửa lại bản thảo liên kết hoặc in phụ trội so với số lượng bản in đã ký kết mà không được sự đồng ý của NXB⁽²²⁾.

3.3. Nghị định 195/2013/NĐ-CP của Chính phủ

Việc Chính phủ ban hành Nghị định 195/2013/NĐ-CP là một bước đi quan trọng nhằm cụ thể hóa và triển khai Luật Xuất bản 2012, với mục tiêu tăng cường QLNN và tạo ra một khung pháp lý rõ ràng, thống nhất cho ngành XB tại Việt Nam⁽²³⁾.

Nghị định 195/2013/NĐ-CP cũng mở rộng phạm vi điều chỉnh, quy định chi tiết về điều kiện hoạt động của các cơ sở in, chế bản và phát hành XBP, kể cả các XBP điện tử. Một điểm nhấn quan trọng khác là việc Nghị định tập trung vào quy trình thẩm định, kiểm duyệt nội dung XBP, đặc biệt là những ấn phẩm có liên quan đến yếu tố nước ngoài. Điều này giúp các cơ quan QLNN có công cụ pháp lý để giám sát chặt chẽ và xử lý các vi phạm trong hoạt động XB một cách hiệu quả hơn⁽²⁴⁾.

Về những điểm mới, Nghị định 195/2013/NĐ-CP đã thể hiện sự thích ứng với xu thế phát triển của công nghệ bằng cách quy định cụ thể hơn về XB điện tử, bao gồm cả yêu cầu đăng ký, thẩm định và lưu trữ các ấn phẩm này. Ngoài ra, Nghị định còn bổ sung và chi tiết hóa các điều kiện về nhân sự, tài chính và cơ sở vật chất mà các tổ

chức muốn thành lập NXB phải đáp ứng.

4. Cơ sở thực tiễn về liên kết xuất bản

4.1. Liên kết khai thác bản thảo

Trong ngành xuất bản, liên kết khai thác bản thảo là một hoạt động hợp tác chiến lược giữa NXB và ĐTLK nhằm tìm kiếm, lựa chọn và khai thác các bản thảo có chất lượng cao⁽²⁵⁾.

Một trong những lợi ích lớn nhất của hình thức liên kết này là khả năng phát hiện các tài năng mới, các tác giả trẻ đầy triển vọng, đồng thời giúp NXB tiết kiệm đáng kể chi phí tìm kiếm bản thảo. Liên kết cũng tạo điều kiện để NXB xây dựng và củng cố mối quan hệ hợp tác với các tác giả mới, điều mà một mình NXB sẽ rất khó thực hiện. Mặt khác, các ĐTLK cũng nhận được sự hỗ trợ về mặt pháp lý từ NXB trong quá trình khai thác bản thảo, giúp họ tránh được những vướng mắc hoặc kiện tụng liên quan đến tính chính danh. Sự tham gia của các công ty sách tư nhân, với sự chuyên sâu và nhạy bén trong việc khai thác mua bản quyền, đã tạo ra một nguồn bản thảo lớn, chất lượng cao và phù hợp với thị hiếu văn hóa của độc giả⁽²⁶⁾.

Mặc dù có những mặt tích cực, hoạt động liên kết khai thác bản thảo vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế: Chẳng hạn, NXB nói chung vẫn còn thiếu chủ động trong việc tổ chức và khai thác bản thảo. Thậm chí, một số NXB đã bán giấy phép xuất bản mà không cần quan tâm đến nội dung của XBP hoặc bản quyền có hợp pháp hay không, khiến NXB dần đánh mất khả năng tổ chức bản thảo, chỉ còn tập trung vào các khâu biên tập và thủ tục hành chính⁽²⁷⁾.

Để giải quyết những vấn đề trên, điều quan trọng nhất là NXB cần chủ động hơn trong công tác tổ chức và khai thác bản thảo, không nên phó thác hoàn toàn cho ĐTLK(...). Cuối cùng, ĐTLK cần phải chịu trách nhiệm một cách rõ ràng và đầy đủ hơn về vấn đề bản quyền tác giả, tránh những rủi ro pháp lý cho cả hai bên⁽²⁸⁾.

4.2. Liên kết biên tập sơ bộ bản thảo

Trong quy trình XB, liên kết biên tập sơ bộ bản thảo là một hoạt động mà biên tập viên (BTV) của ĐTLK thực hiện, nhằm mục đích nâng cao chất lượng bản thảo trước khi

gửi đến NXB để biên tập kỹ lưỡng hơn.

Một trong những thành công đáng chú ý của liên kết biên tập sơ bộ là khả năng tiết kiệm đáng kể thời gian và công sức cho BTV chính của NXB, giúp thúc đẩy quy trình XB diễn ra nhanh và hiệu quả hơn⁽²⁹⁾.

Mặc dù có những ưu điểm rõ rệt, hoạt động liên kết biên tập sơ bộ vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Ví dụ NXB thường buông lỏng quản lý dẫn đến việc đưa ra thị trường những cuốn sách kém chất lượng hoặc một số ĐTLK lại tỏ ra cầu thả trong khâu biên tập sơ bộ, bỏ qua nhiều bước kiểm soát chất lượng nội dung v.v... Thực tế, có nhiều ý kiến cho rằng không nên giao cho ĐTLK biên tập bản thảo vì NXB vẫn phải chịu trách nhiệm cuối cùng⁽³⁰⁾.

Từ những hạn chế và vấn đề nêu trên, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau: Trước hết, cần xây dựng một bộ máy tổ chức XB tương đối hoàn chỉnh với các chức danh phù hợp, bao gồm cả BTV tại các công ty liên kết XB tư nhân. Những BTV này cũng phải chịu trách nhiệm khi cuốn sách có vấn đề, không chỉ riêng NXB. Thứ hai, NXB cần xây dựng một quy trình biên tập cụ thể, phân cấp trách nhiệm rõ ràng cho từng BTV(...). Cuối cùng, để bảo vệ “bản sắc, uy tín và thương hiệu” của mình, NXB cần đưa ra các điều khoản hợp đồng liên kết chặt chẽ, yêu cầu đối tác cam kết in đúng bản thảo đã duyệt⁽³¹⁾.

4.3. Liên kết phát hành xuất bản phẩm

Hoạt động liên kết phát hành XBP là một hình thức hợp tác chiến lược giữa các ĐTLK và doanh nghiệp phát hành, với mục tiêu cốt lõi là đảm bảo XBP đến tay bạn đọc một cách hiệu quả. Nhờ sự liên kết này, ngành XB đã trở nên năng động hơn, giúp các tổ chức phát hành chủ động hơn trong việc nắm bắt nhu cầu thị trường⁽³²⁾.

Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ IX đã khẳng định liên kết phát hành đã mang lại nhiều thành công đáng kể. Nhiều nhà sách tư nhân đã tận dụng cơ hội này để xây dựng thương hiệu vững mạnh trên thị trường trong nước và thậm chí mở rộng ra thị trường quốc tế. Đặc biệt, nhiều NXB lớn đã thiết lập quan hệ hợp tác với các ĐTLK trong và ngoài nước để nâng cao năng lực phân phối sách của mình.

Một trong những hạn chế đáng chú ý là tình trạng mất cân đối trong lưu thông sách. Các nhà sản xuất thường tập trung phát hành sản phẩm tại các khu đô thị lớn, khiến độc giả ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa có rất ít cơ hội tiếp cận với những sáng tác mới, ảnh hưởng ít nhiều đến mục tiêu nâng cao dân trí⁽³³⁾.

Để khắc phục triệt để những hạn chế trên, Bộ VH, TT & DL cần rà soát lại hành lang pháp lý, nghiên cứu và đề xuất sửa đổi một số quy định để ngăn chặn vấn nạn XBP lậu, XBP giả⁽³⁴⁾.

Kết luận

Bài viết đã làm rõ hoạt động liên kết xuất bản ở Việt Nam là một cơ chế đặc thù, được kiến tạo trên nền tảng chính trị nhất quán của Đảng về xã hội hóa hoạt động XB, đồng thời được củng cố bằng một hệ thống pháp lý ngày càng hoàn thiện. Sự ra đời và điều chỉnh của Luật Xuất bản qua các năm cùng các văn bản hướng dẫn chi tiết đã tạo hành lang pháp lý cho phép các NXB hợp tác với các ĐTLK, tạo nên sự năng động đáng kể cho thị trường, giúp đa dạng hóa chủng loại và nâng cao số lượng XBP phục vụ nhu cầu xã hội, đem lại lợi nhuận kinh tế.

Song để hoạt động liên kết đi đúng định hướng chính trị, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng Cục Xuất bản, In và Phát hành cần rà soát và đề xuất sửa đổi các quy định pháp luật nhằm tạo tính ràng buộc mạnh mẽ hơn, đồng thời thúc đẩy sự hợp tác bình đẳng, trách nhiệm giữa NXB và các ĐTLK để ngành XB Việt Nam phát triển một cách lành mạnh và bền vững trong kỷ nguyên số./.

Tài liệu tham khảo

(1), (2) Trần Văn Quyền (2023), Quản lý hoạt động sách giáo dục phổ thông, Luận văn thạc sỹ, Đại học Sư phạm Hà Nội, tr. 11.

(3), (4), (11), (12), Ban Bí thư TW ĐCS Việt Nam (2024), Chỉ thị 42-CT/TW về việc nâng cao chất lượng toàn diện trong hoạt động xuất bản, Hà Nội.

(5), (6), (7) Quốc hội (1993), Luật Xuất bản số 22-L/CTN.

(8), (9), (10) Khổng Văn Chiến (2017), Quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản từ thực tiễn của Nhà Xuất bản Công an nhân dân, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Học viện ANND, Hà Nội, tr.6, tr.7

(13) Đoàn Văn Ánh (2021), Thách thức và giải pháp đối với hoạt động liên kết xuất bản sách giáo khoa, Tạp chí Giáo dục và Thời đại, tr. 21.

(14), (15) Quốc hội (2012), Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 ngày 20/11/2012, Hà Nội, tr. 15, tr. 16.

(16) Đỗ Hùng (2023), Quản lý nhà nước đối với hoạt động in ấn xuất bản phẩm, Tạp chí Xây dựng Đảng số 20, tr. 5.

(17), (18), (34) Nguyễn Việt Hà (2023), Xã hội hóa hoạt động phát hành xuất bản phẩm - Cơ hội và thách thức, Tạp chí Văn hóa số 14, tr. 8.

(19) Chính phủ (2013), Nghị định số 195/2013/NĐCP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật XB.

(20), (21), (22) Phạm Thị Huyền Nga (2015), Công tác khai thác và tổ chức bản thảo để liên kết xuất bản tại Tập đoàn FPT, Luận văn Thạc sỹ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

(23), (31), (30) Trần Thị Bích Cúc (2021), Nâng cao năng lực biên tập viên trong hợp đồng liên kết, Tạp chí Thông tin và Truyền thông, số 7, tr.16.

(24), (25) Đỗ Văn Cường (2021), Phân tích tác động của liên kết xuất bản đến thị trường sách giáo khoa, Tạp chí Giáo dục Việt Nam, số 14.

(26), (27), (28), (29), (32), (33) Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Hà Nội.